



## TỔNG ÔN PHÁT ÂM

1. A. date /deɪt/: ngày

B. face /feɪs/: khuôn mặt, bề mặt, đối mặt

C. page /peɪdʒ/: trang

D. map /mæp/: bản đồ

Đáp án A, B, C phát âm là /eɪ/, đáp án D phát âm là /æ/

2. A. played /pleɪd/: chơi

B. planned /plænd/: lên kế hoạch

C. cooked /kʊkt/: nấu nướng

D. lived /lɪvd/: sống

Đáp án A, B, D phát âm là /d/, đáp án C phát âm là /t/

3. A. dressed /drest/: ăn mặc

B. dropped /drɒpt/: rơi

C. matched /mætʃt/: kết nối

D. joined /dʒɔɪnd/: tham gia

Đáp án A, B, C phát âm là /t/, đáp án D phát âm là /d/

4. A. walk /wɔ:k/: đi bộ

B. call /kɔ:l/: gọi điện

C. take /teɪk/: lấy, nắm, nhận được

D. talk /tɔ:k/: nói chuyện

Đáp án A, B, D phát âm là /ɔ:/, đáp án C phát âm là /eɪ/

5. A. find /faɪnd/: tìm

B. think /θɪŋk/: nghĩ

C. drive /draɪv/: lái xe

D. mind /maɪnd/: lý trí, tư duy

Đáp án A, C, D phát âm là /aɪ/, đáp án B phát âm là /ɪ/

6. A. missed /mɪst/: bỏ lỡ, nhớ

B. talked /tɔ:kt/: nói chuyện

C. watched /wɒtʃt/: xem

D. cleaned /kli:nd/: lau dọn

Đáp án A, B, C phát âm là /t/, đáp án D phát âm là /d/



7. A. washed /wɒʃt/: rửa, giặt  
 B. passed /pɑːst/: vượt qua, bỏ qua  
 C. worked /wɜːkt/: làm việc

D. opened /'əʊpənd/: mở

Đáp án A, B, C phát âm là /t/, đáp án D phát âm là /d/

8. A. hate /heɪt/: ghét  
 B. face /feɪs/: khuôn mặt, bề mặt, đối mặt  
 C. make /meɪk/: làm, tạo ra

D. dance /dɑːns/: nhảy

Đáp án A, B, C phát âm là /eɪ/, đáp án D phát âm là /ɑː/

9. A. delays /dɪ'leɪz/: trì hoãn  
 B. begins /bɪ'ɡɪnz/: bắt đầu

C. attracts /ə'træktz/: thu hút

D. believes /bɪ'li:vz/: tin tưởng

Đáp án A, B, D phát âm là /z/, đáp án C phát âm là /s/

10. A. head /hed/: cái đầu, phần đầu

B. bean /bi:n/: hạt đậu

C. meal /mi:l/: bữa ăn

D. team /ti:m/: đội

Đáp án A phát âm là /e/, đáp án B, C, D phát âm là /i:/

11. A. great /ɡreɪt/: tuyệt vời

B. cheap /tʃi:p/: rẻ

C. clean /kli:n/: sạch sẽ

D. mean /mi:n/: ý nghĩa

Đáp án A phát âm là /eɪ/, đáp án B, C, D phát âm là /i:/

12. A. improves /ɪm'pru:vz/: nâng cao, cải tiến

B. destroys /dɪs'trɔɪz/: phá hủy

C. suggests /sə'dʒests/: đề nghị, gợi ý

D. reminds /'rɪmaɪndz/: nhắc nhở

Đáp án A, B, D phát âm là /z/, đáp án C phát âm là /s/

13. A. dream /dri:m/: mơ, giấc mơ

B. wear /weə(r)/: mặc

C. treat /tri:t/: đối xử, cư xử

D. mean /mi:n/: ý nghĩa

Đáp án A, C, D phát âm là /i:/, đáp án B phát âm là /eə/

14. A. attacks /ə'tæks/: tấn công

B. medals /'medlz/: huy chương

C. concerns /kən'sɜ:nz/: liên quan

D. fingers /'fɪŋgəz/: ngón tay

Đáp án A phát âm là /s/, đáp án B, C, D phát âm là /z/

15. A. meat /mi:t/: thịt

B. threat /θret/: đe dọa

C. beat /bi:t/: tiết tấu

D. seat /si:t/: chỗ ngồi

Đáp án A, C, D phát âm là /i:/, đáp án B phát âm là /e/

16. A. wonders /'wʌndəz/: băn khoăn, thắc mắc

B. problems /'prɒbləmz/: vấn đề

C. mountains /'maʊntnz/: ngọn núi

D. moments /'məʊmənts/: khoảnh khắc

Đáp án A, B, C phát âm là /z/, đáp án D phát âm là /s/

17. A. touch /tʌtʃ/: chạm

B. round /raʊnd/: xung quanh

C. ground /graʊnd/: mặt đất

D. shout /ʃaʊt/: kêu la, la hét

Đáp án A phát âm là /ʌ/, đáp án B, C, D phát âm là /aʊ/

18. A. combined /kəm'baɪnd/: kết hợp, phối hợp

B. travelled /'trævlɪd/: đi du lịch

C. behaved /bi'hɛvɪd/: cư xử

D. practised /'præktɪst/: luyện tập

Đáp án A, B, C phát âm là /d/, đáp án D phát âm là /t/

19. A. leave /li:v/: rời đi

B. learn /lɜ:n/: học hỏi

C. speak /spi:k/: nói

D. teach /ti:tʃ/: dạy

Đáp án A, C, D phát âm là /i:/, đáp án B phát âm là /ɜ:/

20. A. discussed /dɪ'skʌst/: thảo luận

B. performed /pə'fɔ:md/: trình diễn

C. cancelled /'kænsld/: hủy

D. followed /'fɒləʊd/: theo sau, theo dõi

Đáp án A phát âm là /t/, đáp án B, C, D phát âm là /d/



**TỔNG ÔN TRỌNG ÂM**

1. A. teacher      B. lesson      C. action      **D. police**

**Giải thích:**

- A. teacher /'ti:tʃər/: giáo viên □ danh từ có trọng âm rơi vào âm tiết 1  
 B. lesson /'lesn/: bài học □ danh từ có trọng âm rơi vào âm tiết 1  
 C. action /'ækʃn/: hành động □ từ có đuôi -ion thì trọng âm rơi vào âm tiết trước nó (âm tiết 1)  
 D. police /pə'li:s/: cảnh sát □ danh từ tuy nhiên âm tiết 1 chứa âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

2. A. importance      **B. happiness**      C. employment      D. relation

**Giải thích:**

- A. importance /im'pɔ:tns/: sự quan trọng □ từ có kết thúc bằng đuôi -ance thì trọng âm rơi vào âm trước nó (âm tiết 2)  
 B. happiness /'hæpinəs/: sự hạnh phúc □ hậu tố -ness không làm thay đổi trọng âm của từ gốc “happy” nên có trọng âm rơi vào âm tiết 1  
 C. employment /im'plɔimənt/: việc làm □ hậu tố -ment không làm thay đổi trọng âm của từ gốc “employ” nên có trọng âm rơi vào âm tiết 2  
 D. relation /ri'leiʃn/: mối quan hệ □ từ có kết thúc bằng đuôi -ion thì trọng âm rơi vào âm trước đó (âm tiết 2)

3. A. possible      B. cultural      C. confident      **D. supportive**

**Giải thích:**

- A. possible /'pɒsəbl/: có thể □ từ có kết thúc bằng đuôi -ible thì trọng âm rơi vào âm trước đó (âm tiết 1)  
 B. cultural /'kʌltʃərəl/: thuộc về văn hóa □ từ có kết thúc bằng đuôi -al thì trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ cuối lên (âm tiết 1)  
 C. confident /'kɒnfɪdənt/: tự tin □ Nếu các âm tiết của từ đều là âm tiết ngắn thì trọng âm rơi vào âm tiết 1  
 D. supportive /sə'pɔ:tɪv/: ủng hộ □ hậu tố -ive không làm thay đổi trọng âm của từ gốc “support” có trọng âm rơi vào âm tiết 2

4. A. office      B. nature      **C. result**      D. farmer

**Giải thích:**

- A. office /'ɒfɪs/: văn phòng □ danh từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1
- B. nature /'neɪtʃər/: thiên nhiên □ danh từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1
- C. result /rɪ'zʌlt/: kết quả □ danh từ tuy nhiên âm tiết 1 chứa âm yếu /ɪ/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 2
- D. farmer /'fɑːrmər/: nông dân □ đuôi -er/or không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

5. A. difficult      B. popular      **C. effective**      D. national

**Giải thích:**

- A. difficult /'dɪfɪkəlt/: khó □ từ có các âm đều là âm ngắn thì trọng âm rơi vào âm tiết 1
- B. popular /'pɒpjələ/: phổ biến □ từ có các âm đều là âm ngắn thì trọng âm rơi vào âm tiết 1
- C. effective /ɪ'fektɪv/: có hiệu lực □ hậu tố -ive không làm thay đổi trọng âm của từ gốc “effect” có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 vì âm 1 chứa âm yếu /ɪ/
- D. national /'næʃənl/: thuộc về quốc gia □ từ có kết thúc bằng đuôi -al thì trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ cuối lên (âm tiết 1)

6. A. answer      **B. reply**      C. singer      D. future

**Giải thích:**

- A. answer /'ɑːnsə/: câu trả lời, trả lời □ âm tiết 2 chứa âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1
- B. reply /rɪ'plaɪ/: trả lời □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2
- C. singer /'sɪŋə/: ca sĩ □ danh từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1
- D. future /'fjuːʃə/: tương lai □ danh từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

7. A. medical      **B. essential**      C. dangerous      D. regular

**Giải thích:**

- A. medical /'medɪkəl/: thuộc về y tế □ từ có kết thúc bằng đuôi -al thì trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)
- B. essential /ɪ'senʃəl/: cần thiết □ từ có kết thúc bằng đuôi -ial thì trọng âm rơi vào âm trước nó (âm tiết 2)

C. dangerous /'deɪŋdʒrəs/: nguy hiểm □ hậu tố -ous không làm thay đổi trọng âm của từ gốc “danger” có trọng âm rơi vào âm tiết 1

D. regular /'regjələ/: đều đặn □ trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

8. A. doctor                      B. student                      **C. advice**                      D. parent

**Giải thích:**

A. doctor /'dɒktə/: bác sĩ □ trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

B. student /'stju:dənt/: học sinh □ trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

C. advice /əd'vaɪs/: lời khuyên □ trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

D. parent /'peərənt/: bố mẹ □ trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/ nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

9. A. sympathy    B. poverty    **C. equipment**    D. character

**Giải thích:**

A. sympathy /'sɪmpəθi/: sự cảm thông □ từ có kết thúc bằng đuôi -y thì trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

B. poverty /'pɒvərti/: sự nghèo đói □ từ có kết thúc bằng đuôi -y thì trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

C. equipment /i'kwɪpmənt/: thiết bị □ hậu tố -ment không làm thay đổi trọng âm của từ gốc “equip” là động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

D. character /'kærəktər/: tính cách □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

10. A. intend    B. install    **C. follow**    D. decide

**Giải thích:**

A. intend /ɪn'tend/: dự định □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

B. install /ɪn'stɔl/: lắp đặt, cài đặt □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

C. follow /'fəloʊ/: theo dõi □ động từ tuy nhiên đuôi -ow không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

D. decide /,di'said/: quyết định □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

11. A. apartment B. benefit C. argument D. vacancy

**Giải thích:**

A. apartment /ə'pɑ:tmənt/: căn hộ □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

B. benefit /'benɪfɪt/: lợi ích □ từ có tất cả các âm đều là âm ngắn thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

C. argument /'ɑ:gjʊmənt/: sự tranh luận □ theo quy tắc trọng âm ưu tiên rơi vào nguyên âm dài nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

D. vacancy /'veɪkənsi/: vị trí tuyển dụng, chỗ trống □ từ có kết thúc bằng đuôi -y thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

12. A. explain B. involve C. borrow D. discuss

**Giải thích:**

A. explain /ɪk'spleɪn/: giải thích □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

B. involve /ɪn'vɒlv/: liên quan □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

C. borrow /'bɒrəʊ/: mượn □ động từ tuy nhiên kết thúc bằng đuôi -ow không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

D. discuss /dɪ'skʌs/: thảo luận □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

13. A. provide B. listen C. repeat D. collect

**Giải thích:**

A. provide /prə'vaɪd/: cung cấp □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

B. listen /'lɪsn/: lắng nghe □ nếu tất cả đều là âm ngắn thì trọng âm rơi vào âm tiết 1

C. repeat /rɪ'pi:t/: lặp lại □ trọng âm ưu tiên rơi vào âm dài /i:/

D. collect /kə'lekt/: thu thập □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

14. A. behave B. relax C. enter D. produce

**Giải thích:**

A. behave /bɪ'heɪv/: cư xử □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

B. relax /rɪ'ləks/: thư giãn □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

C. enter /'entər/: vào □ động từ tuy nhiên âm /ə/ là âm yếu không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

D. produce /prə'dju:s/: sản xuất □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

15. **A. disaster**                      B. origin                      C. charity                      D. agency

**Giải thích:**

A. disaster /dɪ'zɑ:stə(r)/: thảm họa □ trọng âm rơi vào âm tiết 2 vì theo quy tắc, trọng âm ưu tiên rơi vào âm dài /ɑ:/ (âm tiết 2)

B. origin /'ɒrɪdʒɪn/: nguồn gốc □ từ có tất cả các âm đều là âm ngắn thì trọng âm rơi vào âm tiết 1

C. charity /'tʃærəti/: từ thiện □ từ có kết thúc bằng đuôi -y thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

D. agency /'eidʒənsi/: cơ quan □ từ có kết thúc bằng đuôi -y thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

16. **A. president**                      B. opponent                      C. assistant                      D. companion

**Giải thích:**

A. president /'prezɪdənt/: chủ tịch □ nếu tất cả các âm đều là âm ngắn thì trọng âm ưu tiên rơi vào âm tiết 1

B. opponent /ə'pəʊnənt/: đối thủ □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

C. assistant /ə'sɪstənt/: trợ lý □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

D. companion /kəm'pænjən/: đồng hành □ từ có kết thúc bằng đuôi -ion thì trọng âm rơi vào âm tiết trước đó (âm tiết 2)

17. A. obtain                      B. perform                      C. affect                      **D. happen**

**Giải thích:**

A. obtain /əb'teɪn/: thu được □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

B. perform /pə'fɔ:m/: trình diễn □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2

C. affect /ə'fekt/: ảnh hưởng □ động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết 2



D. happen /'hæpən/: xảy ra □ động từ tuy nhiên âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

18. A. consist      **B. carry**      C. remove      D. protect

**Giải thích:**

A. consist /kən'sist/: bao gồm □ âm /ə/ yếu không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

B. carry /'kæri/: mang □ đuôi -y không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

C. remove /rɪ'mu:v/: loại bỏ □ trọng âm ưu tiên rơi vào âm tiết dài /u:/

D. protect /prə'tekt/: bảo vệ □ âm /ə/ yếu không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

19. **A. solution**      B. principal      C. passenger      D. continent

**Giải thích:**

A. solution /sə'lu:ʃn/: giải pháp □ từ có kết thúc bằng đuôi -ion thì trọng âm rơi vào âm tiết trước đó (âm tiết 2)

B. principal /'prɪnsəpl/: từ có kết thúc bằng đuôi -al thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

C. passenger /'pæsɪndʒər/: hành khách □ nếu tất cả các âm đều là âm ngắn thì trọng âm ưu tiên rơi vào âm tiết 1

D. continent /'kɒntɪnənt/: lục địa □ nếu tất cả các âm đều là âm ngắn thì trọng âm ưu tiên rơi vào âm tiết 1

20. **A. terrific**      B. beautiful      C. general      D. chemical

**Giải thích:**

A. terrific /tə'rɪfɪk/: tuyệt vời □ từ có tận cùng bằng đuôi -ic thì trọng âm rơi vào âm trước đó (âm tiết 2)

B. beautiful /'bju:tɪfl/: đẹp □ trọng âm ưu tiên rơi vào âm dài /u:/ (âm tiết 1)

C. general /'dʒenrəl/: nhìn chung □ âm yếu /ə/ không nhận trọng âm nên trọng âm rơi vào âm tiết 1

D. chemical /'kemɪkl/: thuộc về hóa học □ từ có kết thúc bằng đuôi -al thì trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới lên (âm tiết 1)

